

## **BÁO CÁO**

### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2022**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 09 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

#### **I. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 09 tháng đầu năm 2022 là 2.709 tỷ đồng, đạt 105% dự toán Trung ương, 90% dự toán địa phương, tăng 9% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 2.588 tỷ đồng, đạt 107% dự toán Trung ương, 91% dự toán địa phương, tăng 35% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Nhiều khoản thu, lĩnh vực thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nội địa có tiến độ thu đạt khá hoặc vượt kế hoạch, cụ thể:

+ Khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 96% dự toán địa phương (đóng góp số thu lớn từ Chi nhánh Viettel Đắk Nông, Công ty thủy điện Đồng Nai, Chi nhánh xăng dầu Đắk Nông, Nhà máy Alumin Nhân Cơ...);

+ Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 94% dự toán Trung ương, 75% dự toán địa phương (đóng góp từ Công ty TNHH Olam Việt Nam, Công ty điện gió Quang Minh...);

+ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 74% dự toán Trung ương, 72% dự toán địa phương (đóng góp chủ yếu vẫn từ các công ty thủy điện, bên cạnh đó là Công ty Tân Á Đại Thành, Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông, Công ty BOT Đức Long, Công ty cây xanh Tây Nguyên...);

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 68% dự toán; Phí, lệ phí đạt 76% dự toán; Tiền sử dụng đất đạt 156% dự toán (tuy nhiên tiền sử dụng đất cấp tỉnh chỉ đạt 56% dự toán); Thu khác ngân sách đạt 82% dự toán Trung ương, 80% dự toán địa phương.

+ Riêng Thuế thu nhập cá nhân, đạt 226% dự toán Trung ương, 215% dự toán địa phương (thu từ chuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản chiếm khoảng 70% số thu thuế) và Lệ phí trước bạ đạt 162% dự toán Trung ương, 159% dự toán địa phương.

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 114 tỷ đồng, đạt 70% dự toán, giảm 79% so với cùng kỳ năm trước. Số thu chính là từ oxit nhôm, hydroxit nhôm; nông sản, nguyên liệu, máy móc thiết bị thay thế cho dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; số thu thấp hơn cùng kỳ năm trước do trong những tháng đầu năm, chưa phát sinh số thu NSNN từ các nguồn như máy móc, thiết bị nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư về năng lượng tái tạo như điện gió và từ gỗ nguyên liệu nhập khẩu (đã hết thời hạn nhận ưu đãi thuế quan nên chủ đầu tư các dự án trên địa bàn không tập trung nhập khẩu máy móc thiết bị như cùng kỳ năm trước).

- Thu huy động đóng góp là 7 tỷ đồng.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 09 tháng đầu năm 2022 cơ bản thuận lợi, đa số các khoản thu, sắc thuế lớn đều đạt và vượt tiến độ theo dự toán được giao. Số liệu thống kê cụ thể theo từng khoản thu như sau: Các khoản thu từ Thuế là 1.517 tỷ đồng, chiếm 56% tổng thu NSNN trên địa bàn; các khoản thu từ phí, lệ phí khoảng 386 tỷ đồng, chiếm 14% tổng thu NSNN trên địa bàn; các khoản thu khác 807 tỷ đồng, chiếm 30% tổng thu NSNN trên địa bàn, trong đó: Tiền sử dụng đất 593 tỷ đồng.

## **II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):**

Tổng chi ngân sách địa phương 09 tháng đầu năm 2022 là 5.213 tỷ đồng, đạt 67% dự toán, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển 2.089 tỷ đồng (bao gồm cả số giải ngân từ nguồn năm trước chuyển sang), đạt 76% dự toán, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư cho các dự án là 2.033 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển khác là 56 tỷ đồng.

2. Chi thường xuyên 3.123 tỷ đồng, đạt 65% dự toán, bằng với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1.340 tỷ đồng, đạt 66% dự toán; Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 15 tỷ đồng, đạt 88% dự toán.

\* Nhìn chung, chi NSDP 09 tháng đầu năm 2022 được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư công của kế hoạch vốn năm 2022 còn thấp, chưa đảm bảo tiến độ. Nguyên nhân là do một số dự án đã được tạm ứng vốn nhưng do vướng mắc trong công tác tổ chức bồi thường hồ

trợ tái định cư, nên không có mặt bằng để bàn giao cho nhà thầu thi công; các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chưa quyết liệt đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án để có khối lượng giải ngân vốn đối với nguồn vốn kéo dài.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 09 tháng đầu năm 2022 của tỉnh Đắk Nông./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TT).

3

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chiến**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 617 /BC-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 09 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>7.786.316</b>	<b>7.374.559</b>	<b>95</b>	<b>106</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP</b>	<b>2.636.910</b>	<b>2.444.684</b>	<b>93</b>	<b>137</b>
1	Thu nội địa	2.636.910	2.444.684	93	137
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	-	7.278		68
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	-	767.470		34
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>				-
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		1.373		1
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.149.406</b>	<b>4.153.753</b>	<b>81</b>	<b>148</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.833.116</b>	<b>5.219.356</b>	<b>67</b>	<b>101</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.757.017	2.088.649	76	107
2	Chi thường xuyên	4.841.223	3.122.688	65	100
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.150	1.003	32	89
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	129.226	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	101.500		-	
7	Chi nộp NS cấp trên		6.016		
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số 617/BC-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2022 TW giao	Dự toán 2022 DP giao	Thực hiện 09 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán DP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.583.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>2.709.121</b>	<b>105</b>	<b>90</b>	<b>109</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.420.000</b>	<b>2.837.000</b>	<b>2.588.213</b>	<b>107</b>	<b>91</b>	<b>135</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	414.000	436.000	402.700	97	92	122
2	Thu từ khu vực DNNN DP quản lý	19.000	19.000	13.823	73	73	96
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	65.000	82.000	61.269	94	75	54
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	628.000	643.000	462.649	74	72	103
5	Thuế thu nhập cá nhân	174.000	183.200	393.699	226	215	227
6	Thuế bảo vệ môi trường	165.000	165.000	112.466	68	68	92
7	Lệ phí trước bạ	152.000	154.000	245.534	162	159	210
8	Các loại phí, lệ phí	185.000	185.000	140.467	76	76	92
9	Các khoản thu về nhà, đất	410.000	759.800	613.016	150	81	197
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			8			101
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	439	146	146	178
-	Thu tiền sử dụng đất	380.000	650.000	592.685	156	91	202
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	29.700	109.500	19.885	67	18	117
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN		-				
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000	90.000	47.497	53	53	89
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			215			138
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	28.000	28.000	21.023	75	75	104
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
14	Thu khác ngân sách	90.000	92.000	73.855	82	80	121
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	-	-	-			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>163.000</b>	<b>163.000</b>	<b>113.630</b>	<b>70</b>	<b>70</b>	<b>21</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	143.200	143.200	10.651	7	7	2
2	Thuế xuất khẩu	19.400	19.400	102.598	529	529	143
3	Thuế nhập khẩu	400	400	364	91	91	24
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			17			
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>			<b>7.278</b>			<b>68</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.285.300</b>	<b>2.636.910</b>	<b>2.444.684</b>	<b>107</b>	<b>93</b>	<b>137</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	999.800	1.029.000	1.014.389	101	99	124
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.285.500	1.607.910	1.430.295	111	89	149



**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số 617/BC-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 09 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.833.116</b>	<b>5.213.340</b>	<b>67</b>	<b>101</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.757.017</b>	<b>2.088.649</b>	<b>76</b>	<b>101</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.166.230	2.032.635	174	101
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				-
3	Chi đầu tư phát triển khác		56.014		143
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.841.223</b>	<b>3.122.688</b>	<b>65</b>	<b>100</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.035.037	1.340.067	66	102
2	Chi khoa học và công nghệ	16.628	14.656	88	131
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		405.679		107
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		55.575		121
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		26.274		97
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		11.022		189
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		22.022		91
8	Chi sự nghiệp kinh tế		230.007		75
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		705.711		100
10	Chi bảo đảm xã hội		152.888		135
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>3.150</b>	<b>1.003</b>	<b>32</b>	<b>89</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>101.500</b>		-	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>129.226</b>		-	

